ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 2 **Năm học** 10-11

MÔN HỌC Nhiệt động lực học kt — Mã MH 210014
Số tín chỉ 2 — Nhóm - tổ TNCK -
Ngày thi 19/06/11 Phòng thi 502B4 — Tiết thi 2-3
CBGD chính Lê Chí Hiệp — Mã số CB 0.0999

Tỉ lệ đánh giá: ~~50 & 70%~~
Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	20900101	Trương Quốc	Anh			8	Tám	
2	20900118	Nguyễn Công	Ân			7	Bảy	
3	20900196	Đỗ Lê Phúc	Bộ			8,5	Tám rưỡi	
4	20900249	Lê Văn	Chí			9	Chín	
5	20900311	Nguyễn Mạnh	Cường			8,5	Tám rưỡi	
6	20700329	Nguyễn Hồng	Dên			10	Mười	
7	20900353	Phạm Phú	Diện			9	Chín	
8	20900421	Trần Lê	Duy			8,5	Tám rưỡi	
9	20900480	Phan Hải	Dương			8,5	Tám rưỡi	
10	20900502	Ngô Văn	Đại			8	Tám	
11	20700475	Trần	Đại			9,5	Chín rưỡi	
12	20900562	Nguyễn Trương Hải	Đăng			9	Chín	
13	20900659	Võ Minh	Đức			7	Bảy	
14	20900882	Đoàn Đại	Hoa			9,5	Chín rưỡi	
15	20901013	Nguyễn Đình	Huy			9,5	Chín rưỡi	
16	20901203	Huỳnh Thanh	Khải			9,5	Chín rưỡi	
17	20901165	Võ Trần Vy	Khanh			9	Chín	
18	20901255	Thái Minh	Khoa			10	Mười	
19	20701220	Huỳnh Văn	Lai			8,5	Tám rưỡi	
20	20901537	Nguyễn Trí	Mẫn			9,5	Chín rưỡi	
21	20701465	Nguyễn Công	Minh			10	Mười	
22	20901920	Võ Thanh	Phát			6,5	Sáu rưỡi	
23	20902041	Lê Hồng	Phương			7,5	Bảy rưỡi	
24	20902046	Nguyễn Đại Đức	Phương			8,5	Tám rưỡi	
25	20704397	Trần Đức	Quang			10	Mười	
26	20902267	Lê Đình Trường	Sơn			10	Mười	
27	20902325	Phạm Đức	Tài			9	Chín	
28	20902449	Trần Văn	Thái			9	Chín	
29	20902452	Vũ Văn	Thái			10	Mười	
30	20902480	Trần Duy	Thành			9	Chín	

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 21 *tháng* 6 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa ..... CB Chấm .....

(Ký và ghi rõ họ tên) *(Ký và ghi rõ họ tên)*

GS.TS. LÊ CHÍ HIỆP

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi Học kỳ 2 Năm học 10-11

Tỉ lệ đánh giá: ~~50 %~~ 70%

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC Nhiệt động lực học kt — Mã MH 210014
Số tín chỉ 2 — Nhóm - tổ TNCK -
Ngày thi 19/06/11 — Phòng thi 502B4 — Tiết thi 2-3
CBGD chính Lê Chí Hiệp — Mã số CB 0.0999

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
31	20902544	Mai Anh	Thắng			9	Chín	
32	20702363	Hà Hoàng	Thông			8	Tám	
33	20902827	Phan Minh	Toàn			8,5	Tám rưỡi	
34	20902948	Nguyễn Công	Trình			8,5	Tám rưỡi	
35	20702724	Lâm Quang	Trưởng			9	Chín	
36	20903370	Trần Lê	Vũ			8	Tám	
37	20903371	Trần Nguyên	Vũ			/	/	V

Danh sách này có 37 sv. Ngày in 08/06/11

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 03/07/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 21 *tháng* 6 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa ..... CB Chấm .....

(Ký và ghi rõ họ tên) *(Ký và ghi rõ họ tên)*

GS.TS. LÊ CHÍ HIỆP

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 2 **Năm học** 10-11

MÔN HỌC Nhiệt động lực học kt — Mã MH 210014
Số tín chỉ 2 — Nhóm - tổ TT -
Ngày thi 15/06/11 Phòng thi 208B1 — Tiết thi 4-5
CBGD chính Lê Chí Hiệp — Mã số CB 0.0999

Tỉ lệ đánh giá: ~~50~~ 70%
Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	50800004	Đặng Quang	An			7,5	Bảy rưỡi	
2	40800007	Nguyễn Hoài	An			8	Tám	
3	80700025	Uông Đình	An			8	Tám	
4	20800047	Nguyễn Đức	Anh			7,5	Bảy rưỡi	
5	40700066	Nguyễn Tuấn	Anh					
6	40800146	Trần	Bình			8	Tám	
7	40800245	Nguyễn Sĩ Huy	Cường			7,5	Bảy rưỡi	
8	V0700369	Lê Châu	Duy			2	Hai	
9	40700726	Tào Quang	Hậu			2,5	Hai rưỡi	
10	40800675	Phạm Đức	Hiến			7,5	Bảy rưỡi	
11	40800658	Vũ Hồng	Hiếu			4,5	Bốn rưỡi	
12	40800725	Trần Lữ	Hoàng			4,5	Bốn rưỡi	
13	40800855	Trần Huy	Hùng			7	Bảy	
14	40800776	Huỳnh Hữu	Huy			9,5	Chín rưỡi	
15	K0800782	Lợi Quốc	Huy			4	Bốn	
16	40800803	Phan Cao	Huy			7,5	Bảy rưỡi	
17	60800809	Tăng Quang	Huy			9	Chín	
18	40800898	Phạm Ngọc	Hương			9	Chín	
19	80800900	Nguyễn Lê Thiên	Hướng			7	Bảy	
20	ILI08001	Đỗ Lê Minh	Kha			5	Năm	
21	K0804304	Phạm Đăng	Khoa			7	Bảy	
22	40800999	Nguyễn Mạnh	Khôi			3,5	Ba rưỡi	
23	40801043	Trần Nhị	Lan			10	Mười	
24	40801065	Trần Thanh	Lâm			10	Mười	
25	K0701452	Đặng Nhật	Minh			00	Không	
26	40601595	Trần Hữu	Nghị			7	Bảy	
27	40801426	Nguyễn Phước Cảnh	Nguyện			6,5	Sáu rưỡi	
28	K0801440	Huỳnh Triết	Nhân			4	Bốn	
29	70801477	Vũ Minh	Nhật			5	Năm	
30	40801593	Nguyễn Hoàng	Phúc			9	Chín	

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 20 *tháng* 6 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm:

(Ký và ghi rõ họ tên)

...I HỌC QUỐC GIA TP. HCM
...RƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Học kỳ 2 Năm học 10-11

Tỉ lệ đánh giá: ~~50%~~ 70%

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC Thi Mã MH 210014
Số tín chỉ Nhiệt động lực học kt Nhóm - tổ TT -
Ngày thi 2 Phòng thi Tiết thi 4-5
CBGD chính 15/06/11 208B1 Mã số CB 0.0999
Lê Chí Hiệp

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
31	80604326	Phạm Phú	Quốc			8	Tám	
32	K0704440	Nguyễn Lê Quang	Thái			5	Năm	
33	V0801970	Đinh Đỗ Tấn	Thành			0,5	Nửa	
34	60802055	Phạm Quốc	Thắng			9,5	Chín rưỡi	
35	40802051	Phan Tấn Chí	Thắng			8,5	Tám rưỡi	
36	40802085	Nguyễn Đăng	Thiện			3,5	Ba rưỡi	
37	40802134	Nguyễn Như	Thông			7,5	Bảy rưỡi	
38	20602642	Nguyễn Minh	Trí			6	Sáu	
39	40802352	Lê Khánh	Trình					
40	40602682	Đào Thành	Trung			6	Sáu	
41	40802471	Trần Anh	Tuấn			4,5	Bốn rưỡi	

Danh sách này có 41 sv. Ngày in 10/06/11

Đề nghị CBGD gởi kết.quả chấm thi về PĐT trước ngày 29/06/11

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 20 *tháng* 6 *năm* 2011

Xác nhận BM/Khoa ..... CB Chấm: .....

(Ký và ghi rõ họ tên) *(Ký và ghi rõ họ tên)*

GS.TS. LÊ CHÍ HIỆP